

Bản án số: 24/2019/DS-PT

Ngày: 18/6/2019

V/v " Yêu cầu chia tài sản chung
và yêu chia di sản thừa kế "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Ông; **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần và bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Ông; Bùi Văn Đồng. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà; Nguyễn Thị P Chung - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLPT - DS ngày 09/4/2019, về việc yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST, ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2019/QĐPT-DS ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà; Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1947

Tên gọi khác: Nguyễn Thị B.

Địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Danh – Văn phòng luật sư Vinh Diện & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số 9A, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Bà; Nguyễn Thị N, sinh năm 1949

Địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa

2.2. Chị; Nguyễn Thị X, sinh năm 1984

Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa

2.3. Chị; Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H: Chị; Nguyễn Thị X, sinh năm 1984; địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị; Nguyễn Thị P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh; Nguyễn Văn A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa

3.3. Chị; Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường BS, Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M: Bà; Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1949; địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

3.4. Chị; Hồ Thị Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 15A, đường TL12 khu phố 1, Phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi làm việc: Chuyên 2, xưởng 4, Công ty TNHH Việt Vương, khu C khu Nam Long, phường Thanh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Thị Q: Chị; Nguyễn Thị X, sinh năm 1984; địa chỉ: Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các bên đương sự, thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày như sau: Năm 1970, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Quyết T kết hôn hợp

pháp với nhau và có 03 người con chung là chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 1979.

Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị Kim B, ông Nguyễn Quyết T, tạo dựng được khối tài sản chung là một thửa đất có số thửa 245, tờ bản đồ số 02 (nay theo số liệu mới có số thửa 123, tờ bản đồ số 19), có diện tích 332,5m² và các tài sản trên đất bao gồm 01 ngôi nhà cấp 4 và 02 gian nhà bếp, tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nguồn gốc của thửa đất số 245, tờ bản đồ số 02 (nay theo số liệu mới có số thửa 123, tờ bản đồ số 19) do Khu phố 5, Phường TĐ, cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị Kim B vào năm 1977.

Năm 1982, bà Nguyễn Thị Kim B và ông Nguyễn Quyết T ly hôn. Tại bản án sơ thẩm số 10 ngày 05/7/1982 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, đã quyết định về phần tài sản đó là (theo Trích lục Quyết định dân sự ngày 24/5/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh): Giao cho bà Nguyễn Thị Kim B được quyền sử dụng 02 gian nhà bếp trên thửa đất mà vợ chồng tạo lập và chung sống trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim B ở lại 02 gian nhà bếp để nuôi con. Hai gian nhà bếp bà được chia có diện tích khoảng 40m² có vị trí nằm ở khúc eo phần đất phía sau của thửa đất. Còn ông Nguyễn Quyết T ở tại gian nhà cấp 4 có vị trí nằm ở phần đất phía trước của thửa đất. Do ông Nguyễn Quyết T thường xuyên chửi mắng nên cuối năm 1983, bà Nguyễn Thị Kim B đã làm đơn với lý do bà hiện không có đất ở nên xin Quân khu 4 lúc đó cấp cho 01 mảnh đất ở nơi khác để ra ở riêng. Cùng năm 1983, bà được Quân khu 4 cấp một thửa đất khác có diện tích 179,80m² (nay là thửa số 146, tờ bản đồ 19) tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và bà đã sinh sống trên thửa đất được cấp từ đó cho đến nay. Như vậy tại thời điểm ly hôn thì giữa ông với bà mới chỉ chia tài sản trên đất là 02 gian nhà bếp cho bà còn đối với quyền sử dụng đất thì chưa chia.

Năm 1983, ông Nguyễn Quyết T kết hôn với bà Nguyễn Thị N và sinh sống tại thửa đất trên. Ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung là chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Năm 2003, ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N đã tự ý kê khai cả phần đất có 02 gian nhà bếp đã được chia cho bà Nguyễn Thị Kim B để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ). Ngày 10/7/2002, UBND Thành phố Vinh đã cấp GCNQSDĐ số W636492 đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, diện tích 332,5m² (bao gồm cả phần diện tích đất có 02 gian nhà bếp chia cho bà Nguyễn Thị Kim B) tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N.

Năm 2011, ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H. UBND Thành phố Vinh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 592986 ngày 12/10/2011 cho chị Nguyễn Thị X đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19 có diện tích 182,5m² và số BE 592993 ngày 12/10/2011 cho chị Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 có diện tích 150m².

Ngày 18/4/2012 ông Nguyễn Quyết T chết, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất trên. Sau khi ông Nguyễn Quyết T chết, bà Nguyễn Thị Kim B làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Vinh yêu cầu hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh đã tuyên hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Ngày 21/3/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm vụ án hành chính số 01/2014/HCPT-QĐĐC. Hiện bản án số 06/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim B cho rằng thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19 có diện tích đất 182,5m² và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 có diện tích 150m² tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim B và ông Nguyễn Quyết T được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Năm 1982, Tòa án nhân dân Thành phố Vinh giải quyết ly hôn giao cho bà được quyền sử dụng 02 gian nhà bếp trên thửa đất, chưa giải quyết chia quyền sử dụng đất nên thửa đất vẫn thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Kim B và ông Nguyễn Quyết T. Bà Nguyễn Thị Kim B đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H trả lại 1/2 diện tích đất trên nhưng bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim B xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H trả lại cho bà 02 gian nhà bếp mà bà được chia khi ly hôn theo bản án sơ thẩm số 10 ngày 05/7/1982 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nay, bà Nguyễn Thị Kim B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Vinh giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H trả lại 1/2 diện tích đất trong tổng diện tích 332,5m² tại thửa đất số 123 và thửa đất số 162 tờ bản đồ

số 19 thuộc khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất để trả lại đất cho bà Nguyễn Thị Kim B.

Bà Nguyễn Thị Kim B có nguyện vọng được chia phần diện tích với 150m² thuộc thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để bà cho con trai là anh Nguyễn Văn A xây nhà thờ tổ tiên. Còn phần đất phía sau có diện tích 182,5m² (bao gồm cả đường đi vào) thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19 tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh thì chia cho ông Nguyễn Quyết T.

Hiện nay, anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vinh chia phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T để lại cho các đồng thừa kế. Đồng thời, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M đều có nguyện vọng giao cho bà Nguyễn Thị Kim B được quyền sử dụng và định đoạt phần tài sản mà anh chị được chia thừa kế. Bà Nguyễn Thị Kim B đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Vinh giải quyết theo nguyện vọng của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:
Năm 1983, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quyết T kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quyết T về chung sống tại nhà và đất của ông Nguyễn Quyết T thuộc khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh. Tại thời điểm đó diện tích thửa đất đã là 332,5m². Quá trình ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị N sử dụng đất không có tranh chấp với ai. Khi bà Nguyễn Thị N về ở thì 02 gian nhà bếp có diện tích khoảng 40m² vẫn còn và nằm ở vị trí phía sau thửa đất. Quá trình sử dụng, do bị bão nên 02 gian nhà bếp bị hư hỏng hiện không còn. Vị trí của 02 gian nhà bếp ngày xưa nay đã được ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị N dựng thành 02 gian nhà bếp xây gạch táp lô trên phần đất mà chị Nguyễn Thị X hiện đang ở.

Ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị N sinh được 02 người con gồm chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Khi bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Nguyễn Quyết T thì bà Nguyễn Thị N đã có 01 người con riêng tên là Hồ Thị Q, sinh năm 1975. Khi đó chị Hồ Thị Q mới được 08 tuổi, được ông Nguyễn Quyết T xem như con ruột và đã nuôi dạy, giáo dục chị Hồ Thị Q trưởng thành. Đến năm 1996 chị Hồ Thị Q thoát ly khỏi gia đình và đi làm ăn hiện đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về thăm hỏi.

Năm 2003, ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N đã làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/7/2002, UBND Thành phố Vinh đã cấp GCNQSDĐ số W636492 đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, diện

tích 332,5m² đất thuộc khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N.

Năm 2011, ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H. UBND Thành phố Vinh đã cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 592986 ngày 12/10/2011 cho chị Nguyễn Thị X đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19 có diện tích 182,5 m² và số BE 592993 ngày 12/10/2011 cho chị Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 có diện tích 150 m².

Quá trình làm thủ tục cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị Kim B, chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M không ai có ý kiến khiếu nại hay tranh chấp gì. Sau khi ông Nguyễn Quyết T chết thì bà Nguyễn Thị Kim B mới làm đơn khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân Thành phố Vinh đã tuyên hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đã làm đơn kháng cáo sau đó rút đơn kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Hiện bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H không có ý kiến gì về bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh.

Bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H cho rằng thửa đất hiện đang tranh chấp là tài sản chung được bà Nguyễn Thị Kim B, ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N tạo lập nên trong thời kỳ hôn nhân. Năm 1983, bà Nguyễn Thị Kim B đã làm đơn xin Nhà nước cấp một thửa đất khác để sinh sống. Từ năm 1983 cho đến nay bà Nguyễn Thị Kim B đã từ bỏ quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Bà Nguyễn Thị Kim B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ gì đối với thửa đất và cũng không có trách nhiệm gì trong việc tôn tạo, bảo quản thửa đất. Ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị N đã ở trên thửa đất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế đối với người sử dụng đất, có công sức đóng góp trong việc tôn tạo, bảo quản thửa đất. Do đó bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án tính công sức cho ông Nguyễn Quyết T, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Hồng và chia cho ông Nguyễn Quyết T phần nhiều hơn.

Nay, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị Kim B một phần diện tích đất ở phía sau của thửa đất tương ứng với vị trí 02 gian nhà bếp đã chia cho bà Nguyễn Thị Kim B khi ly hôn với diện tích khoảng 119 – 120 m² kể cả phần đường đi vào về phía tây. Tài sản gắn liền với phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim B không có giá trị gì lớn nên bà Nguyễn Thị N, chị

Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đồng ý tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại phần diện tích đất đã chia cho bà Nguyễn Thị Kim B.

Hiện ông Nguyễn Quyết T đã mất, phần diện tích đất được chia cho ông Nguyễn Quyết T hiện do bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng nên đề nghị Tòa án giao chung cho cả ba mẹ con là bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng.

Bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu và nguyện vọng chia thừa kế của anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M. Vì khi còn sống ông Nguyễn Quyết T đã thể hiện ý chí tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H. Nguyện vọng của ông Nguyễn Quyết T đã được thể hiện bằng việc ông Nguyễn Quyết T ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào ngày 22/7/2011. Hợp đồng tặng cho đã được công chứng tại Văn phòng công chứng TT, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Việc tặng cho đã được thực hiện xong và hiện chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đang sinh sống trên thửa đất này nên di sản thừa kế không còn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M thì bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án đưa chị Hồ Thị Q vào hàng thừa kế để chia theo pháp luật.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M, thống nhất trình bày: Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M đồng ý như phần trình bày của bà Nguyễn Thị Kim B. Vào năm 2012 ông Nguyễn Quyết T chết không để lại di chúc. Di sản ông Nguyễn Quyết T để lại là 1/2 diện tích của 332,5 m² tại thửa đất số 123 và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 19 tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M là con ruột của ông Nguyễn Quyết T nên được hưởng một phần di sản thừa kế và có nguyện vọng được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản thừa kế mà anh chị được hưởng cho bà Nguyễn Thị Kim B được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hồ Thị Q (do chị Nguyễn Thị X làm đại diện theo ủy quyền) trình bày như sau: Chị Hồ Thị Q đồng ý như phần trình bày của bà Nguyễn Thị N. Chị là con riêng của bà Nguyễn Thị N. Vào năm 1983, bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Nguyễn Quyết T thì chị mới được 08 tuổi và cùng bà Nguyễn Thị N về sinh sống với ông Nguyễn Quyết T trên thửa đất trên tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh. Mặc dù có quan hệ con riêng và bố dượng nhưng chị được ông Nguyễn Quyết

T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như cha con cho đến năm 1996 khi chị đã trưởng thành thì chị mới thoát ly khỏi gia đình và đi làm ăn hiện đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Nguyễn Thị Kim B khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung thì chị cũng nhất trí như cách chia của bà Nguyễn Thị N. Phần diện tích còn lại chia cho ông Nguyễn Quyết T, nếu tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T để lại cho các đồng thừa kế thì chị cũng có nguyện vọng được hưởng một phần di sản thừa kế trên và đề nghị Tòa án giao chung cho bà Nguyễn Thị N được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị là con gái của ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị Kim B. Năm 2012 ông Nguyễn Quyết T chết thì bà Nguyễn Thị Kim B, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M xảy ra tranh chấp đất đai yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T để lại với bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị P không tranh chấp gì đối với tài sản thừa kế trên, chị từ chối hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T để lại. Nếu Tòa án chia thừa kế thì chị đề nghị Tòa án lấy phần thừa kế chị được hưởng mà chia đều cho các đồng thừa kế còn lại.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a,c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15, Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 214, 215, 217, 219, 224, 688, 689, 722, 723, 733, 734, 735 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung .

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim B (còn gọi Nguyễn Thị B) được quyền sử dụng diện tích đất 119m² đất bao gồm cả đường đi tại thửa đất số 123, tờ bản đồ 19 thuộc khối 4, Phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá 476.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được giới hạn bởi các điểm 10, 11, 12, 13, 14, 1, 2, 15, 9, 10 (có sơ đồ kèm theo).

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 213,44m² tại thửa đất số 123, tờ bản đồ 19 thuộc khối 4, Phường TĐ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá 1.309.100.000 đồng (Một tỷ ba

trăm linh chín triệu một trăm ngàn đồng) được giới hạn bởi các điểm 9, 15, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và bàn giao phần tài sản được chia cho bà Nguyễn Thị Kim B.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H trả lại cho bà 02 gian nhà bếp bà được chia khi ly hôn. Nếu có tranh chấp thì bà Bàng có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Nguyễn Thị Kim B, bà Nguyễn Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 17.091.000 đồng (Mười bảy triệu không trăm chín mươi một ngàn đồng) án phí DSST.

Buộc anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M mỗi người phải chịu 10.254.600 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 2.600.000 đồng anh An, chị Mai đã nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002651, 0002652 ngày 22/9/2016. Anh An, chị Mai mỗi người còn phải chịu 7.654.600 đồng (Bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim B (Tên gọi khác: Nguyễn Thị B) số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000154 ngày 16/10/2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự; tuyên việc thi hành bản án theo Luật thi hành án dân sự; tuyên các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2018 nguyên đơn là Nguyễn Thị Kim B và là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thúy M, đã kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, với nội dung là bản án sơ thẩm chia cho bà được 119 m² đất và là phần ở phía sau là quá ít và bản án không chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T cho chị Nguyễn Thị Thúy M và anh Nguyễn Văn A là trái quy định pháp luật, nên đề nghị cấp phúc thẩm chia cho bà được ½ diện tích đất là tài sản chung của bà với ông

Nguyễn Quyết T, đồng thời chia thừa kế là phần diện tích đất của ông Nguyễn Quyết T chết để lại cho anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M theo quy định pháp luật.

Ngày 21/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn A kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, với nội dung bản án sơ thẩm chia cho bà Nguyễn Thị Kim B được 119 m² đất và là phần ở phía sau là quá ít và bản án không chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T cho anh và các đồng thừa kế là trái quy định pháp luật, nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T chết để lại cho anh và các đồng thừa kế theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết sơ thẩm; nguyên đơn và anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thống nhất trên thửa đất đang tranh chấp, trước đây có số thửa là 245, tờ bản đồ số 02, nay theo số liệu mới có số thửa 123, tờ bản đồ số 19, có diện tích là 332,5 m² tại khối 4, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, trên thửa đất đang tranh chấp này có 01 ngôi nhà ngói 02 gian xây gạch tấp lô, lợp ngói đã cũ, được xây dựng từ năm 1991; 01 ô bếp lợp mái tôn và ngói Prô xi măng đã cũ và công trình phụ (nhà vệ sinh) là tài sản của bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H; nếu phần đất được chia của bà Nguyễn Thị Kim B có các công trình xây dựng, thì chủ sở hữu nhất trí tháo dỡ để trả lại đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất, tại thời điểm ông Nguyễn Quyết T chết vào năm 2012, thì bố mẹ của ông Nguyễn Quyết T là ông Nguyễn Văn Em chết ngày 24/9/1956 và bà Nguyễn Thị Mão chết trước năm 1981. Tại thời điểm ông Nguyễn Quyết T chết có 05 người con gồm chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M (con chung với bà Bảng), chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H (con chung với bà Nguyễn Thị N).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự đều thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim B; Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M là không có cơ sở để chấp nhận; trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã có một số sai sót vi phạm đó là khi giải quyết về yêu cầu chia thừa kế, nhưng lại không xác định hàng thừa kế tại thời điểm mở thừa kế.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế. Song trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ hàng thừa kế của ông Nguyệt Quyết Thắng, là thiếu sót. Vấn đề này cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị Thúy M, chị Hồ Thị Q vắng mặt tại phiên tòa, song các đương sự đã có ủy quyền thay mặt mình tham gia tố tụng. Cho nên xét thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến kết quả xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 1970 bà Nguyễn Thị Kim B kết hôn hợp pháp với ông Nguyễn Quyết T và sinh được 03 người con gồm chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M; Quá trình chung sống hai người tạo dựng được khối tài sản chung là 01 thửa đất số 245, tờ bản đồ số 02 (nay gọi là thửa số 123, tờ bản đồ số 19) tại Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có diện tích 332,5 m² và 01 ngôi nhà gói cấp 04 và 02 gian bếp nằm trên thửa đất.

Năm 1982 giữa ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị Kim B ly hôn, theo bản án sơ thẩm số 10 ngày 05/7/1982 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, đã giao cho bà Nguyễn Thị Kim B được quyền sử dụng 02 gian nhà bếp trên thửa đất (02 gian nhà có diện tích khoảng 40 m²), bà Nguyễn Thị Kim B ở lại 02 gian bếp và nuôi con; Năm 1983 bà Nguyễn Thị Kim B làm đơn xin Quân Khu 4 cấp cho 01 thửa đất khác có số thửa 146, tờ bản đồ số 19, có diện tích 179,80 m² tại Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh và sinh sống trên đó từ đó cho đến nay.

Như vậy tại thời điểm ly hôn năm 1982 thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19 là tài sản chung của 02 người chưa được giải quyết chia cho ai.

Năm 1983 ông Nguyễn Quyết T kết hôn với bà Nguyễn Thị N và sinh được 02 người con gồm chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H; năm 2003 ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai người; Năm 2011 hai ông bà làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho 02 con chung.

Ngày 18/4/2012 ông Nguyễn Quyết T chết, mẹ con bà Nguyễn Thị N tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất. Sau khi ông Nguyễn Quyết T chết bà Nguyễn Thị Kim B đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp liên quan đến thửa đất này. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh đã tuyên hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Ngày 21/3/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm vụ án hành chính, bản án hành chính sơ thẩm số 06/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 15/6/2015 bà Nguyễn Thị Kim B làm đơn khởi kiện; trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M yêu cầu được chia di sản thừa kế của bố là ông Nguyễn Quyết T. Cho nên đây là vụ án tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và yêu cầu chia thừa kế, được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M, về việc đề nghị được chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Quyết T chết để lại. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc kháng cáo của 03 người này là có căn cứ. Vì tại thời điểm ngày 18/4/2012 ông Nguyễn Quyết T chết, tài sản chung của ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị Kim B là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, tại Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh. Khi ông Nguyễn Quyết T chết không để lại di chúc để định đoạt di sản thừa kế, cho nên phần di sản của ông Nguyễn Quyết T trong khối tài sản này phải được chia cho các thừa kế của ông Nguyễn Quyết T, đó là các con của ông Nguyễn Quyết T, gồm chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H và vợ là bà Nguyễn Thị N; đối với chị Hồ Thị Q, tuy chị Hồ Thị Q không phải là con đẻ của ông Nguyễn Quyết T, mà là con riêng của vợ là bà Nguyễn Thị N, song chị đã được ông Nguyễn Quyết T chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi 08 tuổi đến khi trưởng thành, cho nên đã phát sinh

quyền và nghĩa vụ như cha và con theo quy định tại Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M, với lý do là ngày 22/7/2011 ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N đã ký 02 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19 cho chị Nguyễn Thị X một phần diện tích của thửa đất với diện tích là 182,5 m² và cho chị Nguyễn Thị H một phần diện tích của thửa đất với diện tích là 150 m²; chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù các giấy chứng nhận đã bị hủy, song nó thể hiện ý chí của ông Nguyễn Quyết T là hoàn toàn không đúng với quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N tặng cho quyền sử dụng đất như vậy là không đúng quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm đó, thửa đất này đang là tài sản chung hợp nhất của bà Nguyễn Thị Kim B và ông Nguyễn Quyết T; Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H đã bị bản án hành chính sơ thẩm số 06/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh tuyên hủy, kể cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đó đã cấp đứng tên ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị N cũng đã bị tuyên hủy; ngoài ra cũng không có chứng cứ nào thể hiện việc ông Nguyễn Quyết T truất quyền thừa kế của những người này; anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M cũng không thuộc trường hợp không được hưởng di sản thừa kế theo quy định tại Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B yêu cầu được hưởng ½ diện tích của thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy thửa đất này là tài sản chung hợp nhất giữa bà và ông Nguyễn Quyết T, nhưng từ năm 1982 đến nay, bà Nguyễn Thị Kim B không trực tiếp quản lý, bảo quản và trông coi thửa đất này, mà là do ông Nguyễn Quyết T và mẹ con bà Nguyễn Thị N quản lý, trông coi, bảo quản thửa đất; sau khi ông Nguyễn Quyết T qua đời, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H tiếp tục là những người trực tiếp quản lý, trông coi và bảo quản thửa đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất.

[4] Kết quả định giá tài sản và thẩm định tại chỗ cho thấy:

Tài sản tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và yêu chia thừa kế là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, có tổng diện tích 332,5 m² ở Khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, có tổng trị giá: 1.785.100.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm, tám mươi lăm triệu, một trăm ngàn đồng*), trong đó: Phần đất phía sau của thửa đất (kể cả lối đi), có diện tích 180,66 m² trị giá là: 722.640.000 đồng (4.000.000 đồng/1 m²); Phần đất

phía trước của thửa đất có diện tích 151,78 m², trị giá là: 1.062.460.000 đồng (7.000.000 đồng/1 m²).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang có tranh chấp, là thiếu sót. Cho nên cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã cho thấy: Trên thửa đất tranh chấp có 01 ngôi nhà ngói 02 gian xây bằng gạch tấp lô và lợp ngói được xây dựng từ năm 1991; 01 ô bếp lợp mái tôn và ngói Prô xi măng; 01 công trình phụ (nhà vệ sinh, kiêm nhà tắm) là tài sản của bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận thống nhất, nếu các tài sản nằm trên phần được chia của bà Nguyễn Thị Kim B, thì các chủ sở hữu sẽ có trách nhiệm tháo dỡ và di chuyển đi nơi khác, để trả lại phần đất này cho bà Nguyễn Thị Kim B.

[5] Vì vậy Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về mặt nội dung, xác định tài sản tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, có tổng trị giá là: 1.785.100.000 đồng. Trong đó công sức quản lý, trông coi và bảo quản thửa đất của bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H là khoảng 39% trị giá tài sản (khoảng 696.189.000 đồng); còn lại khoảng 61% trị giá tài sản (khoảng 1.088.911.000 đồng) là tài sản chung hợp nhất của ông Nguyễn Quyết T và bà Nguyễn Thị Kim B. Tại thời điểm ông Nguyễn Quyết T chết, 50% trong trị giá tài sản chung hợp nhất của hai người là tài sản của bà Nguyễn Thị Kim B và 50% trong trị giá tài sản chung hợp nhất của hai người là di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T (khoảng 544.455.000 đồng) chết để lại; Do ông Nguyễn Quyết T chết không để lại di chúc, cho nên di sản thừa kế này sẽ được chia cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Quyết T là anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H, chị Hồ Thị Q và bà Nguyễn Thị N, theo như hướng đã phân tích ở trên, trên cơ sở thực tế các phần đất đã định giá để cân đối phân chia cho phù hợp với hình thể thửa đất. Còn chị Nguyễn Thị P, tuy thuộc hàng thừa kế, nhưng do chị đã từ chối hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Quyết T, nên không xem xét.

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận thống nhất, đối với kỷ phần của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M được hưởng sẽ giao lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị Kim B định đoạt và quyết định, mà không chia cụ thể cho từng người.

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận thống nhất, đối với kỷ phần của chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H và chị Hồ Thị Q được hưởng sẽ giao lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị N định đoạt và quyết định, mà không chia cụ thể cho từng người.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim B, rút yêu cầu về việc

yêu cầu bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H trả lại cho bà 02 gian nhà bếp bà được chia khi ly hôn. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Kim B.

Nếu sau này có tranh chấp thì bà Nguyễn Thị Kim B có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc không chấp nhận kháng cáo của các đương sự về chia di sản thừa kế là không đúng, vì tại thời điểm ông Nguyễn Quyết T chết, các đương sự thừa nhận ông Nguyễn Quyết T không để lại di chúc để định đoạt di sản thừa kế, không có căn cứ nào thể hiện những người này bị tước quyền thừa kế theo quy định của pháp luật. Cho nên phần di sản của ông Nguyễn Quyết T phải được chia theo pháp luật.

Đối với một số sai sót của cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm đã khắc phục. Song cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án tương tự.

[8] Về án phí, chi phí định giá:

8.1. Bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu án phí đối với phần tài sản của bà được hưởng theo quy định của pháp luật. Song do bà là người cao tuổi và có ý kiến đề nghị được miễn giảm, cho nên cần miễn án phí dân sự và phần kháng cáo được chấp nhận, nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim B, số tiền: 8.000.000 đồng (tám triệu) tiền tạm án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm án án phí số 0000154 ngày 16/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

8.2. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí đối với phần tài sản của bà được hưởng theo quy định của pháp luật. Song do bà là người cao tuổi và có ý kiến đề nghị được miễn giảm, cho nên cần miễn án phí dân sự cho bà.

8.3. Đối với kỷ phần mà anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H và chị Hồ Thị Q được hưởng, thì phải chịu án phí dân sự tương ứng với kỷ phần mỗi người được hưởng (khoảng 90.000.000 đồng) là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*). Ngoài ra chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H còn phải chịu án phí dân sự tương ứng với kỷ phần mà mỗi người được hưởng trong tổng giá trị công quản lý, trông coi và bảo quản thửa đất (trong trị giá 39%) là 11.603.000 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm linh ba ngàn*).

8.4. Anh Nguyễn Văn A được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà đã nộp là 2.900.000 đồng.

8.5. Chị Nguyễn Thị Thúy M được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

2.600.000 đồng.

8.6. Đối với chi phí định giá tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim B thỏa thuận thống nhất chịu toàn bộ và không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 5 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 15, Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 214, 215, 217, 219, 224, 603, 631, 632, 633, 634, 635, 638, 639, 640, 642, 643, 674, 676, 679, 688, 689, 722, 723, 733, 734, 735 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 106 Luật đất đai năm 2003. Điều 167 Luật đất đai năm 2013. điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B. Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Thúy M.

3. Giao cho bà Nguyễn Thị Kim B (còn gọi Nguyễn Thị B), anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị Thúy M, được quyền sử dụng diện tích đất 180,66m² đất bao gồm cả đường đi thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ 19 tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá: 722.640.000 đồng (*Bảy trăm, ba mươi triệu đồng*) được giới hạn bởi các điểm 10, 11, 12, 13, 14, 1, 2, 3, 4, 15, 9, 10, được ký hiệu S1 (chi tiết có sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H và chị Hồ Thị Q, được quyền sử dụng diện tích đất 151,78 m² thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ 19 tại khối 4, Phường TĐ, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có trị giá: 1.062.460.000 đồng (*Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*) được giới hạn bởi các điểm 9, 15, 5, 6, 7, 8, 9, được ký hiệu S2 (chi tiết có sơ đồ kèm theo).

5. Buộc bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H, có trách nhiệm phải tháo dỡ các công trình xây dựng (bao gồm một phần của ngôi nhà ngói hai gian, Ô bếp lợp mái tôn và ngói Prô xi măng, công trình vệ sinh) nằm trên phần đất được chia của bà Nguyễn Thị Kim B, chị Nguyễn Thị Thúy Mai, anh Nguyễn Văn A được chia, để trả lại phần đất đó cho những người này.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định pháp luật về đất đai để được tách quyền sử dụng đất.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị H trả lại cho bà 02 gian nhà bếp bà được chia khi ly hôn. Nếu có tranh chấp thì bà Nguyễn Thị Kim B có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

8. Về án phí:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho bà Nguyễn Thị Kim B và bà Nguyễn Thị N.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim B, số tiền: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000154 ngày 16/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh.

Anh Nguyễn Văn A phải chịu: 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn*) tiền án phí dân sự. Anh Nguyễn Văn A không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn A được khấu trừ số tiền: 2.900.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002651 ngày 22/9/2016 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003185 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh.

Chị Nguyễn Thị Thúy M phải chịu: 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn*) tiền án phí dân sự. Chị Nguyễn Thị Thúy M được khấu trừ số tiền: 2.600.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002652 ngày 22/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh.

Chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị H, mỗi người phải chịu: 16.103.000 đồng (*Mười sáu triệu, một trăm linh ba ngàn*) tiền án phí dân sự.

Chị Hồ Thị Q phải chịu: 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn*) tiền án phí dân sự.

9. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND, VKS Thành phố Vinh
- Chi cục THADS Thành phố Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn